



LỊCH THI CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi ngày 21/4/2019

*** SÁNG NGÀY 21/4/2019:**

Ca thi	Từ phòng đến phòng	Giờ	Công việc	Hiệu lệnh
Ca 1	Từ phòng 01 đến phòng 02	7 h 00	Cán bộ coi thi có mặt tại Phòng Hội đồng	
		7 h 00	Sinh viên có mặt tại phòng thi	
		7 h 05	Gọi tên SV theo danh sách vào phòng thi	1 hồi 3 tiếng trống
		7 h 10	Bóc và phát đề thi	1 tiếng trống
		7 h 15	Bắt đầu làm bài	3 tiếng trống
		8 h 25	Hết giờ làm bài	1 hồi dài

Ca thi	Từ phòng đến phòng	Giờ	Công việc	Hiệu lệnh
Ca 2	Từ phòng 03 đến phòng 04	8 h 30	Cán bộ coi thi có mặt tại Phòng Hội đồng	
		8 h 30	Sinh viên có mặt tại phòng thi	
		8 h 35	Gọi tên SV theo danh sách vào phòng thi	1 hồi 3 tiếng trống
		8 h 40	Bóc và phát đề thi	1 tiếng trống
		8 h 45	Bắt đầu làm bài	3 tiếng trống
		9 h 55	Hết giờ làm bài	1 hồi dài

Ca thi	Từ phòng đến phòng	Giờ	Công việc	Hiệu lệnh
Ca 3	Từ phòng 05 đến phòng 06	10 h 00	Cán bộ coi thi có mặt tại Phòng Hội đồng	
		10 h 00	Sinh viên có mặt tại phòng thi	
		10 h 05	Gọi tên SV theo danh sách vào phòng thi	1 hồi 3 tiếng trống
		10 h 10	Bóc và phát đề thi	1 tiếng trống
		10 h 15	Bắt đầu làm bài	3 tiếng trống
		11 h 25	Hết giờ làm bài	1 hồi dài

HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi: 1 (07h00 ngày 21/04/2019)

PHÒNG 001 (A5-209)

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi ch
1	001001	Hồ Thị Vân	Anh	Nữ	02-06-1997	Bình Định			
2	001002	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	05-12-1995	Quảng Trị			
3	001003	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	11-11-1997	Quảng Ngãi			
4	001004	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	28-12-1999	Quảng Nam			
5	001005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	18-05-1997	Quảng Nam			
6	001006	Nguyễn Thị Việt	Ánh	Nữ	19-08-1995	Quảng Nam			
7	001007	Phạm Thị Minh	Anh	Nữ	10-04-1997	Quảng Nam			
8	001008	Võ Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	05-05-1997	Khánh Hòa			
9	001009	Trần Thị	Bông	Nữ	17-04-1996	Quảng Nam			
10	001010	Pơ Loong	Bưư	Nam	22-12-1997	Quảng Nam			
11	001011	Phạm Thị	Châu	Nữ	05-01-1997	Nghệ An			
12	001012	Đặng Thị	Chí	Nữ	19-03-1984	TP. Đà Nẵng			
13	001013	Đỗ Bùi Phương	Chi	Nữ	27-03-1997	Quảng Nam			
14	001014	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	17-08-1996	Quảng Nam			
15	001015	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	25-06-1994	TP. Đà Nẵng			
16	001016	Đỗ	Cường	Nam	21-01-1997	Quảng Nam			
17	001017	Nguyễn Thị Bích	Diễm	Nữ	28-09-1995	Gia Lai			
18	001018	Trần Nguyễn Đăng	Diệu	Nam	08-12-1996	Quảng Nam			
19	001019	Ngô Thị	Dự	Nữ	05-02-1996	Quảng Nam			
20	001020	Lê Văn	Dũng	Nam	19-04-1996	Thừa Thiên - Huế			
21	001021	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	23-03-1995	TP. Đà Nẵng			
22	001022	Phạm Thị Huệ	Dung	Nữ	06-01-1997	Quảng Nam			
23	001023	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	31-10-1995	TP. Đà Nẵng			
24	001024	Nguyễn Đức	Đại	Nam	02-08-1997	Quảng Nam			
25	001025	Lê Quốc	Đạt	Nam	10-11-1998	TP. Đà Nẵng			
26	001026	Nguyễn Thị Hiền	Giang	Nữ	30-12-1997	Quảng Nam			
27	001027	Nguyễn Thị Mai	Giang	Nữ	19-08-1997	Quảng Nam			
28	001028	Lê Thị	Hà	Nữ	08-06-1996	Thanh Hóa			
29	001029	Phùng Thanh	Hạ	Nam	07-02-1996	Quảng Ngãi			
30	001030	Nguyễn Minh	Hải	Nam	05-06-1997	TP. Đà Nẵng			
31	001031	Đinh Thị Ngọc	Hằng	Nữ	29-08-1995	Đắk Lắk			
32	001032	Thái Thị Minh	Hằng	Nữ	04-09-1996	TP. Đà Nẵng			

Ấn định danh sách này có 32 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi: 1 (07h00 ngày 21/04/2019)

PHÒNG 002 (A5-210)

STT	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001033	Đinh Thị Kim	Hạnh	Nữ	02-02-1968	TP. Đà Nẵng				
2	001034	Lê Thị Bảo	Hạnh	Nữ	25-02-1997	Quảng Nam				
3	001035	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	26-03-1995	TP. Đà Nẵng				
4	001036	Lê Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	26-08-1995	Kon Tum				
5	001037	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	12-02-1997	Nghệ An				
6	001038	Châu Thị Thái	Hậu	Nữ	22-10-1997	Quảng Nam				
7	001039	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	14-01-1997	Quảng Nam				
8	001040	Trịnh Thị Bích	Hậu	Nữ	23-12-1990	Quảng Nam				
9	001041	Huỳnh Thị Thu	Hiền	Nữ	08-08-1997	Quảng Nam				
10	001042	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17-12-1997	Quảng Nam				
11	001043	Phạm Thị	Hiền	Nữ	12-11-1996	Quảng Nam				
12	001044	Phạm Thị Ngọc	Hiền	Nữ	01-07-1996	TP. Đà Nẵng				
13	001045	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	24-06-1997	Phú Yên				
14	001046	Trần Thị Thu	Hòa	Nữ	09-10-1997	Quảng Nam				
15	001047	Lê Thị Thu	Hội	Nữ	08-06-1997	Quảng Ngãi				
16	001048	Đoàn Thị Mỹ	Huê	Nữ	20-12-1996	Bình Định				
17	001049	Phạm Thị	Huyền	Nữ	20-10-1997	Quảng Bình				
18	001050	Trần Gia	Khánh	Nữ	05-08-1997	TP. Đà Nẵng				
19	001051	Trương Thanh	Khiết	Nam	01-03-1996	Quảng Ngãi				
20	001052	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	Nữ	15-04-1997	Quảng Nam				
21	001053	A	Lá	Nam	07-09-1996	Kon Tum				
22	001054	Võ Thị	Lành	Nữ	09-12-1997	TP. Đà Nẵng				
23	001055	Dương Thị Mỹ	Lệ	Nữ	07-10-1996	TP. Đà Nẵng				
24	001056	Mai Thị	Lệ	Nữ	10-04-1997	TP. Đà Nẵng				
25	001057	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	Nữ	23-06-1996	Quảng Nam				
26	001058	Lê Thị Ánh	Liên	Nữ	29-06-1996	Quảng Nam				
27	001059	Mai Thị Kiều	Liên	Nữ	16-10-1987	TP. Đà Nẵng				
28	001060	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	26-03-1997	Quảng Nam				
29	001061	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	15-08-1997	Quảng Nam				
30	001062	Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	11-10-1997	TP. Đà Nẵng				
31	001063	Y	Liên	Nữ	07-03-1996	Kon Tum				
32	001064	Phạm Thị	Liễu	Nữ	05-12-1997	Quảng Nam				

Ấn định danh sách này có 32 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 2

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi: 2 (08h30 ngày 21/04/2019)

PHÒNG 003 (A5-209)

STT	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001065	Ngô Thị	Linh	Nữ	28-02-1995	Quảng Ngãi				
2	001066	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	10-12-1997	TP. Đà Nẵng				
3	001067	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	11-11-1996	TP. Đà Nẵng				
4	001068	Trương Thị Ánh	Linh	Nữ	19-04-1995	Quảng Nam				
5	001069	Lâm Thị Hồng	Loan	Nữ	28-04-1993	Quảng Nam				
6	001070	Nguyễn Tăng	Lộc	Nam	12-03-1997	Quảng Nam				
7	001071	Phạm Hoàng	Lộc	Nam	31-03-1997	TP. Đà Nẵng				
8	001072	Dụng Văn	Lữ	Nam	28-12-1986	Thừa Thiên - Huế				
9	001073	Hà Thị Minh	Lý	Nữ	02-09-1997	Quảng Bình				
10	001074	Lê Thị Ánh	Ly	Nữ	02-01-1997	Quảng Nam				
11	001075	Ngô Thị Kiều	Ly	Nữ	25-05-1995	TP. Đà Nẵng				
12	001076	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	15-06-1996	Gia Lai				
13	001077	Huỳnh Thị	Mai	Nữ	06-08-1997	TP. Đà Nẵng				
14	001078	Đinh Thị Hồng	Mận	Nữ	02-05-1994	Quảng Nam				
15	001079	Huỳnh Thị	Mận	Nữ	18-01-1997	Quảng Nam				
16	001080	H'Sương	Miô	Nữ	15-07-1997	Đắk Lắk				
17	001081	Vũ Thị	Na	Nữ	01-02-1996	Quảng Nam				
18	001082	Rmah H'	Nâm	Nữ	03-09-1997	Gia Lai				
19	001083	Huỳnh Thị Ánh	Nga	Nữ	17-05-1999	Quảng Nam				
20	001084	Lê Thị Hằng	Nga	Nữ	18-08-1997	TP. Đà Nẵng				
21	001085	Ngô Thị Kiều	Nga	Nữ	02-11-1994	TP. Đà Nẵng				
22	001086	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	24-02-1997	Quảng Nam				
23	001087	Lương Thị	Nghĩa	Nữ	20-07-1995	Quảng Nam - Đà Nẵng				
24	001088	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	19-07-1996	Quảng Nam				
25	001089	Nguyễn Thị Minh	Nguyên	Nữ	01-03-1997	Quảng Nam				
26	001090	Võ Trần	Nguyên	Nam	20-07-1994	Quảng Nam				
27	001091	Đặng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	03-05-1997	TP. Đà Nẵng				
28	001092	Phan Thị Minh	Nguyệt	Nữ	27-09-1997	Quảng Nam				
29	001093	Bùi Thị Thanh	Nhân	Nữ	25-06-1997	TP. Đà Nẵng				
30	001094	Nguyễn Thị	Nhân	Nữ	11-07-1988	Quảng Bình				
31	001095	Dương Vũ Hào	Nhi	Nữ	06-04-1997	Quảng Nam				
32	001096	Lê Thị Ý	Nhi	Nữ	20-11-1997	Quảng Nam				

Ấn định danh sách này có 32 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi 2 (08h30 Ngày 21/04/2019)

PHÒNG 004 (A5-210)

STT	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001097	Trương Mỹ	Nhiên	Nữ	26-03-1997	Quảng Ngãi				
2	001098	Nguyễn Thị	Như	Nữ	17-04-1996	Quảng Nam				
3	001099	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	06-12-1997	Quảng Ngãi				
4	001100	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15-06-1997	Hà Tĩnh				
5	001101	Đoàn Thị	Nơ	Nữ	08-12-1997	Quảng Nam				
6	001102	Lê Thị	Ny	Nữ	14-09-1999	TP. Đà Nẵng				
7	001103	Lê Thị	Oanh	Nữ	12-04-1997	Hà Tĩnh				
8	001104	Trần Hữu Vĩnh	Phát	Nam	26-03-1997	TP. Đà Nẵng				
9	001105	Lê Văn	Phụng	Nam	31-07-1997	Quảng Nam				
10	001106	Lò Văn	Phước	Nam	26-03-1997	Gia Lai				
11	001107	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	Nữ	01-08-1997	Quảng Nam				
12	001108	Huỳnh Thị Thanh	Phương	Nữ	20-01-1997	Quảng Nam				
13	001109	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	04-11-1997	Nghệ An				
14	001110	Phạm Thị	Phượng	Nữ	04-11-1999	Quảng Nam				
15	001111	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	09-09-1995	TP. Đà Nẵng				
16	001112	Hà Thị Thùy	Quyên	Nữ	11-12-1984	Quảng Nam				
17	001113	Nguyễn Trần	Quyên	Nam	25-09-1997	TP. Đà Nẵng				
18	001114	Lê Thị Bích	Sương	Nữ	13-09-1997	Quảng Ngãi				
19	001115	Phạm Thị Thu	Sương	Nữ	14-05-1997	Quảng Nam				
20	001116	Võ Thị Thu	Sương	Nữ	22-07-1997	Gia Lai				
21	001117	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	16-03-1997	TP. Đà Nẵng				
22	001118	Trương Diễm	Thanh	Nữ	19-02-1997	Quảng Nam				
23	001119	Đinh Thị Linh	Thảo	Nữ	21-02-1997	Khánh Hòa				
24	001120	Huỳnh Thị Thu	Thảo	Nữ	12-07-1997	Quảng Ngãi				
25	001121	Lê Đình	Thảo	Nam	17-05-1997	TP. Đà Nẵng				
26	001122	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	26-12-1997	Quảng Nam				
27	001123	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	04-04-1997	Quảng Ngãi				
28	001124	Phạm Thị	Thảo	Nữ	10-08-1999	Quảng Nam				
29	001125	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	06-10-1997	TP. Đà Nẵng				
30	001126	Bùi Thị Bé	Thi	Nữ	26-06-1996	Quảng Ngãi				
31	001127	Đặng Thị Cẩm	Thi	Nữ	22-11-1997	Quảng Nam				
32	001128	Lâm Quang	Thiên	Nam	17-06-1997	TP. Đà Nẵng				

Ấn định danh sách này có 32 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi 3 (10h00 ngày 21/04/2019)

PHÒNG 005 (A5-209)

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001129	Phạm Thị Thiết	Nữ	17-08-1999	Thừa Thiên - Huế				
2	001130	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	20-10-1996	TP. Đà Nẵng				
3	001131	Phạm Đức Thọ	Nam	20-10-1988	Hà Tĩnh				
4	001132	Phan Thị Như	Nữ	27-04-1997	Quảng Ngãi				
5	001133	Trần Thị Kim	Nữ	14-03-1996	Quảng Nam				
6	001134	Đỗ Thị Mỹ	Nữ	04-04-1997	Quảng Ngãi				
7	001135	Ngô Thị Anh	Nữ	15-08-1996	Quảng Nam				
8	001136	Đinh Thị Thương	Nữ	17-06-1997	Quảng Nam				
9	001137	Bùi Thị Phương	Nữ	20-07-1996	TP. Đà Nẵng				
10	001138	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	21-03-1997	Quảng Nam				
11	001139	Nguyễn Thị Thu	Nữ	07-09-1999	Đắk Lắk				
12	001140	Võ Thị Kim	Nữ	07-06-1997	Quảng Ngãi				
13	001141	Đàm Thị Tiên	Nữ	01-10-1995	Quảng Nam				
14	001142	Nguyễn Hà Tiên	Nữ	27-04-1997	Quảng Nam				
15	001143	Phan Thị Hà Tiên	Nữ	18-03-1996	Quảng Nam				
16	001144	Y Thùy Tiên	Nữ	03-11-1996	Kon Tum				
17	001145	Trần Thị Tình	Nữ	10-10-1987	Quảng Nam				
18	001146	Lê Hoàng Toàn	Nam	19-05-1996	Quảng Nam				
19	001147	Tưởng Minh Toàn	Nam	10-11-1997	Quảng Nam				
20	001148	Nguyễn Thị Hương Trà	Nữ	14-12-1997	Hà Tĩnh				
21	001149	Đặng Thị Ngọc Trâm	Nữ	14-01-1997	TP. Đà Nẵng				
22	001150	Nguyễn Dương Thùy Trâm	Nữ	20-10-1997	TP. Đà Nẵng				
23	001151	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	16-01-1997	TP. Đà Nẵng				
24	001152	Phạm Thị Ngọc Trâm	Nữ	28-06-1997	Quảng Ngãi				
25	001153	Trần Châu Ngọc Trâm	Nữ	25-01-1997	Quảng Nam				
26	001154	Trần Thị Ngọc Trâm	Nữ	19-03-1996	Quảng Nam				
27	001155	Trần Tuyết Trâm	Nữ	25-03-1997	Quảng Nam				
28	001156	Đậu Thị Hoài Trang	Nữ	02-01-1996	Quảng Nam				
29	001157	Lê Thị Trang	Nữ	17-04-1997	TP. Đà Nẵng				
30	001158	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	26-08-1997	Quảng Nam				
31	001159	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	26-03-1997	Bình Định				
32	001160	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	04-07-1996	Quảng Nam				

Ấn định danh sách này có 32 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHUNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Kỳ thi ngày 21-04-2019

Ca thi: 3 (10h00 ngày 21/04/2019)

PHÒNG 006 (A5-210)

STT	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001161	Phạm Đức	Trí	Nam	22-12-1996	Quảng Nam				
2	001162	Đinh Nguyễn Thị Phương	Trinh	Nữ	29-12-1997	TP. Đà Nẵng				
3	001163	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	Nữ	30-05-1997	TP. Đà Nẵng				
4	001164	Lê Thị Phương	Trinh	Nữ	28-03-1997	Quảng Nam				
5	001165	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	Nữ	04-11-1996	Quảng Nam				
6	001166	Hồ Thị	Trời	Nữ	10-11-1997	Quảng Nam				
7	001167	Ngô Văn	Trúc	Nam	10-11-1997	Nghệ An				
8	001168	Cao Thanh	Truyền	Nam	28-03-1997	Quảng Nam				
9	001169	Lê Trần Việt	Tú	Nữ	01-01-1997	Quảng Nam				
10	001170	Trần Anh	Tú	Nam	23-11-1997	TP. Đà Nẵng				
11	001171	Đặng Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	31-12-1997	Quảng Nam				
12	001172	Lê Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24-04-1996	Quảng Nam				
13	001173	Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	15-08-1997	Quảng Nam				
14	001174	Nguyễn Thanh	Uyên	Nữ	16-01-1997	Nghệ An				
15	001175	Hồ Thị Cẩm	Vân	Nữ	12-07-1997	Quảng Ngãi				
16	001176	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	12-03-1996	TP. Đà Nẵng				
17	001177	Lê Thị	Vy	Nữ	06-10-1997	Quảng Nam				
18	001178	Nguyễn Thị Lan	Vy	Nữ	08-12-1997	Quảng Nam				
19	001179	Phùng Thị Tường	Vy	Nữ	06-02-1997	TP. Đà Nẵng				
20	001180	Võ Trần Nhật	Vy	Nữ	01-09-1998	Quảng Ngãi				
21	001181	Vũ Tường	Vy	Nữ	20-03-1997	Quảng Nam				
22	001182	Nguyễn Đặng Hoàng	Yến	Nữ	01-11-1997	Quảng Ngãi				
23	001183	Trần Thị	Yến	Nữ	17-09-1996	Nghệ An				
24	001184	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	Nữ	23-11-1985	TP. Đà Nẵng				

Ấn định danh sách này có 24 thí sinh. Số thí sinh có dự thi:..... Số thí sinh vắng:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

CB coi thi 1

CB chấm thi 1

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019
Duyệt kết quả

CB coi thi 2

CB chấm thi 2